|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /2023/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO 2**

**Ngày 15/6/2023**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về hoạt động thông tin cơ sở**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 10 tháng 12 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở**.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về cách thức tổ chức và quy trình thực hiện hoạt động thông tin cơ sở; trách nhiệm quản lý nhà nước về thông tin cơ sở; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin cơ sở.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý nhà nước về thông tin cơ sở và tham gia hoạt động thông tin cơ sở*.*

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin cơ sở là tập hợp các loại hình hoạt động thông tin thông qua đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền viên cơ sở; tin nhắn viễn thông; mạng xã hội.

2. Hoạt động thông tin cơ sở là hoạt động cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là người dân ở cơ sở); tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua các loại hình: đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền viên cơ sở; tin nhắn viễn thông; mạng xã hội.

3. Bảng tin công cộng (bao gồm bảng tin điện tử và bảng tin được làm bằng các chất liệu khác) là phương tiện truyền tải thông tin được cố định tại một địa điểm để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này bằng chữ viết, hình ảnh.

4. Bản tin thông tin cơ sở là sản phẩm thông tin có tính chất báo chí, xuất bản định kỳ, sử dụng thể loại tin tức để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này thông qua các ấn phẩm in, tập tin (file) được truyền tải trên mạng xã hội, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện.

5. Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở là xuất bản phẩm phục vụ tuyên truyền cổ động không dùng để mua, bán; bao gồm áp-phích, tờ rời, tờ gấp để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này thông qua các xuất bản phẩm in hoặc xuất bản phẩm điện tử (đồ họa thông tin - infographic) do Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện thực hiện.

6. Đồ họa thông tin - infographic là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh, chữ viết để trình bày thông tin, dữ liệu hoặc kiến thức thiết yếu đến người dân ở cơ sở một cách ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu.

7. Tuyên truyền viên cơ sở là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Trưởng thôn, phó trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, tổ phó tổ dân phố; trưởng ban công tác Mặt trận thực hiện công tác tuyên truyền trực tiếp để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này tới người dân ở cơ sở.

8. Tin nhắn viễn thông là dịch vụ nhắn tin trên mạng viễn thông di động mặt đất (mạng thông tin di động).

9. Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet.

10. Hệ thống thông tin nguồn trung ương là hệ thống thông tin có chức năng cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trong toàn quốc; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

11. Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh là hệ thống thông tin có chức năng cung cấp thông tin nguồn cho đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

**Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của thông tin cơ sở**

1. Truyền thông chính sách của Đảng, Nhà nước; cung cấp thông tin thiết yếu đối với người dân ở cơ sở.

2. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ sở.

3. Tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

4. Thông tin kịp thời, chính xác đến người dân ở cơ sở; bảo đảm công bằng về quyền tiếp cận thông tin của tất cả người dân ở cơ sở; thông tin phù hợp với trình độ, nhu cầu của người dân ở từng vùng, miền, đặc biệt là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào theo đạo, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

5. Tuyên truyền, phổ biến các thành tựu và nhiệm vụ chính trị trên các lĩnh vực của đất nước, của địa phương; nâng cao dân trí; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn và trật tự xã hội; bảo vệ và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; góp phần ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tuyên truyền đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

**Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển thông tin cơ sở**

1. Có chiến lược phát triển thông tin cơ sở.

2. Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thông tin cơ sở, bao gồm kinh phí đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất và kinh phí thường xuyên bảo đảm cho hoạt động thông tin cơ sở.

Kinh phí hoạt động thông tin cơ sở từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước; huy động từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

3. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân lực tham gia quản lý và thực hiện các hoạt động thông tin cơ sở.

4. Có chính sách chuyển đổi số hoạt động thông tin cơ sở.

 **Điều 6.** **Nội dung thông tin thiết yếu của thông tin cơ sở**

1. Thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin những sự kiện quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở cơ sở.

2. Thông tin về thành tựu và các nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước và của địa phương.

3. Thông tin, kiến thức thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của người dân ở cơ sở phù hợp với đối tượng, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền, bao gồm:

a) Thông tin về dự án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương;

b) Thông tin liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và kiến thức khoa học, kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Thông tin liên quan đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương;

d) Thông tin về sự cố, các tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hỏa hoạn, cấp cứu, dịch bệnh, thảm họa xảy ra ở địa phương hoặc có ảnh hưởng đến địa phương;

đ) Thông tin về gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực;

e) Thông tin các biện pháp đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội;

g) Thông tin về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của người dân ở cơ sở.

**Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thông tin cơ sở**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thông tin cơ sở, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, hướng dẫn tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển và các văn bản quy phạm pháp luật về thông tin cơ sở;

b) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin cơ sở trên phạm vi cả nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thông tin cơ sở; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn trung ương để cung cấp, lưu trữ thông tin; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở trong phạm vi cả nước;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nhân lực thông tin cơ sở;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin cơ sở;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê thông tin cơ sở; xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các báo cáo về hoạt động thông tin cơ sở;

h) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; ban hành quy định, quy chế và tổ chức các hội thi, liên hoan thông tin cơ sở;

i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ

Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin chuyên ngành;

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp thông tin chuyên ngành cho địa phương;

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động cung cấp thông tin cơ sở chuyên ngành theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, các quy chế, quy định về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở tại địa phương;

c) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin cơ sở tại địa phương;

d) Ban hành quy định cụ thể về mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp xã, cấp huyện theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí của địa phương;

đ) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thông tin cơ sở tại địa phương; xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh để cung cấp, lưu trữ thông tin; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở của địa phương và kết nối với hệ thống thông tin nguồn trung ương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nhân lực thông tin cơ sở tại địa phương;

g) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê của hệ thống thông tin cơ sở tại địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ công tác quản lý nhà nước;

h) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức các hội thi, liên hoan trong lĩnh vực thông tin cơ sở tại địa phương;

i) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở của địa phương;

c) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin cơ sở của địa phương;

d) Thiết lập, quản lý và tổ chức hoạt động của các loại hình thông tin cơ sở của cấp huyện;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê lĩnh vực thông tin cơ sở của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước;

e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở của địa phương;

c) Tổ chức cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin cơ sở tại địa phương;

d) Thiết lập, quản lý và tổ chức hoạt động của các loại hình thông tin cơ sở của cấp xã;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hệ thống thông tin cơ sở của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; định kỳ hoặc đột xuất cung cấp thông tin, báo cáo, thống kê cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ**

**Mục 1**

 **ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ**

**Điều 8. Đài truyền thanh cấp xã**

1. Đài truyền thanh cấp xã gồm thiết bị thu phát, quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh, các cụm loa được thiết lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

2. Đài truyền thanh cấp xã chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa - Thông tin cấp huyện; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị truyền thông cấp huyện.

**Điều 9. Hoạt động sản xuất chương trình của đài truyền thanh cấp xã**

1. Sản xuất các chương trình phát thanh bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số để phát trên đài truyền thanh cấp xã.

2. Nội dung các chương trình phát thanh của đài truyền thanh cấp xã thông tin về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cấp xã; cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với ý kiến phản ánh của người dân ở cơ sở.

3. Các sản phẩm phát thanh của đài truyền thanh cấp xã được trả nhuận bút, thù lao theo quy định về chế độ nhuận bút và định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

Chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm phát thanh của đài truyền thanh cấp xã được áp dụng theo các quy định về chế độ nhuận bút và định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

**Điều 10. Hoạt động phát sóng của đài truyền thanh cấp xã**

1. Đài truyền thanh cấp xã phát sóng các chương trình phát thanh do đài truyền thanh cấp xã sản xuất.

2. Đài truyền thanh cấp xã phát sóng các chương trình phát thanh của đơn vị truyền thông cấp huyện sản xuất theo khung, lịch phát sóng định kỳ hoặc trong trường hợp khẩn cấp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Phát sóng các chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của Quốc gia và cấp tỉnh theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của đài truyền thanh cấp xã.

 4. Căn cứ điều kiện thực tế, đài truyền thanh cấp xã thực hiện việc tiếp sóng, phát lại chương trình thời sự và các chương trình phát thanh khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh, đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh để phục vụ nhu cầu thông tin thiết yếu của người dân ở cơ sở trên hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh của đài truyền thanh cấp xã.

5. Việc phát sóng các chương trình phát thanh của đài truyền thanh cấp xã thực hiện theo các quy định của pháp luật về truyền dẫn, phát sóng phát thanh, các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin.

**Mục 2**

 **BẢNG TIN CÔNG CỘNG**

**Điều 11. Đối tượng và điều kiện được phép lập bảng tin công cộng**

1. Đối tượng được phép lập bảng tin công cộng là các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các thôn, tổ dân phố.

2. Việc lập bảng tin công cộng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia, không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan và phải tuân theo quy hoạch của địa phương và quy chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức lập bảng tin công cộng có trách nhiệm lắp đặt, quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trên bảng tin công cộng do mình lập ra.

**Điều 12. Nội dung thông tin và hình thức trình bày của bảng tin công cộng**

1. Nội dung thông tin trên bảng tin công cộng thông tin về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, thôn, tổ dân phố; cung cấp các thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị lập bảng tin công cộng.

2. Không dùng âm thanh để truyền tải thông tin trong bảng tin điện tử công cộng.

3. Bảng tin công cộng có nội dung quảng cáo, hình thức trình bày tuân theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

**Điều 13. Yêu cầu kết nối và tính năng của bảng tin điện tử công cộng**

1. Bảng tin điện tử công cộng kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bảng tin điện tử công cộng có tính năng tra cứu, tìm kiếm thông tin thiết yếu.

**Điều 14. Quảng cáo trên bảng tin công cộng**

1. Đối tượng được phép lập bảng tin công cộng có thể phối hợp với các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng, vận hành và được dành tỷ lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này trên bảng tin công cộng để thực hiện các nội dung quảng cáo.

2. Biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo phải đặt ở phía dưới cùng của bảng tin công cộng; diện tích thể hiện của biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa quảng cáo không quá 20% diện tích bảng tin công cộng.

3. Việc quảng cáo trên bảng tin công cộng phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về quảng cáo.

**Mục 3**

**BẢN TIN THÔNG TIN CƠ SỞ**

**Điều 15. Xuất bản bản tin thông tin cơ sở**

Xuất bản bản tin thông tin cơ sở để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này phải tuân theo các quy định của Luật Báo chí, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Báo chí và các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng, về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

**Điều 16. Yêu cầu về chức năng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở trên trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã**

Trang thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã có chức năng tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở và thông tin nội dung trả lời của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

**Mục 4**

**TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH**

**PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ**

**Điều 17. Xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở**

Xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở để cung cấp thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này phải thực hiện theo các quy định của Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản.

**Điều 18.** **Phát hành tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở thông qua xuất bản phẩm điện tử (đồ họa thông tin - infographic)**

Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở thông qua xuất bản phẩm điện tử (đồ họa thông tin - infographic) được phát hành trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, bảng tin điện tử công cộng, mạng xã hội tại Việt Nam.

**Mục 5**

 **TUYÊN TRUYỀN VIÊN CƠ SỞ**

**Điều 19. Tiêu chuẩn và quyền lợi của tuyên truyền viên cơ sở**

1. Tiêu chuẩn của tuyên truyền viên cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể phù hợp yêu cầu nhiệm vụ thông tin tuyên truyền của địa phương, nhưng phải đáp ứng các điều kiện cơ bản sau:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, có tín nhiệm trong công tác; không trong thời gian thi hành hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên theo quy định của pháp luật;

b) Có khả năng truyền đạt thông tin đến người dân và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở; sử dụng thông thạo ngôn ngữ nói bằng tiếng Việt hoặc tiếng các dân tộc thiểu số tại địa phương;

c) Nắm vững nội dung tuyên truyền để thực hiện công tác tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở và trả lời ý kiến phản ánh của người dân ở cơ sở.

2. Tuyên truyền viên cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ; được cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung tuyên truyền; được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Nội dung, hình thức tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở**

1. Nội dung thông tin tuyên truyền viên cơ sở cung cấp là những thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; những sự kiện quốc tế, trong nước liên quan trực tiếp đến người dân ở cơ sở; những quy định của chính quyền địa phương và các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, cơ sở; hướng dẫn thực hiện các chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở; các kiến thức thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của người dân ở cơ sở; tiếp nhận thông tin của người dân ở cơ sở để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở.

2. Hình thức, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện công tác tuyên truyền trực tiếp đến người dân ở cơ sở phải bảo đảm hiệu quả thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, tổng hợp thông tin phản ánh của người dân và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua việc thực hiện công tác tuyên truyền trực tiếp với người dân ở cơ sở.

**Mục 6**

**TUYÊN TRUYỀN QUA MẠNG XÃ HỘI**

**Điều 21. Tuyên truyền qua mạng xã hội**

1. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và thôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là đơn vị cung cấp thông tin thiết yếu qua mạng xã hội) được sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam để cung cấp, chia sẻ, trao đổi các nội dung thông tin thiết yếu (tin, bài, ảnh, videoclip, file âm thanh, đồ họa thông tin - infographic) và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở.

2. Nội dung thông tin thiết yếu được cung cấp, chia sẻ, trao đổi và tiếp nhận trên các mạng xã hội tại Việt Nam phải tuân theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, phù hợp với yêu cầu tiếp nhận thông tin của người dân ở cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức và tuân thủ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

**Điều 22. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị cung cấp thông tin thiết yếu qua mạng xã hội**

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin thiết yếu do đơn vị mình cung cấp, chia sẻ và trao đổi trên các mạng xã hội tại Việt Nam.

2. Xây dựng quy trình kiểm soát việc cung cấp nội dung thông tin thiết yếu qua mạng xã hội; kiểm soát nội dung bình luận của người dùng mạng xã hội đối với thông tin thiết yếu do đơn vị cung cấp, bảo đảm nội dung bình luận phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; tiếp nhận, tổng hợp thông tin và trả lời phản ánh của người dân ở cơ sở thông qua mạng xã hội.

3. Thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này khi cung cấp, chia sẻ và trao đổi nội dung thông tin tuyên truyền thiết yếu trên các mạng xã hội tại Việt Nam.

4. Thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo các quy định của pháp luật.

5. Sử dụng tên hiệu thật của đơn vị khi cung cấp thông tin thiết yếu qua mạng xã hội và đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ để xác thực tên hiệu, địa chỉ trang mạng, đầu mối liên lạc khi tham gia, sử dụng mạng xã hội.

6. Thực hiện biện pháp tự quản lý, bảo mật tài khoản mạng xã hội và nhanh chóng thông báo tới các cơ quan chức năng, nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo, lợi dụng và sử dụng vào mục đích không lành mạnh, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Điều 23. Trách nhiệm của người dân ở cơ sở khi phản ánh thông tin qua mạng xã hội**

1. Sử dụng tên, địa chỉ thật của mình khi phản ánh thông tin qua mạng xã hội để bảo đảm việc trả lời phản ánh của người dân ở cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin phản ánh trên mạng xã hội; thông tin phản ánh phải bảo đảm đúng sự thật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo các quy định của pháp luật.

**Mục 7**

**TUYÊN TRUYỀN QUA TIN NHẮN VIỄN THÔNG**

**Điều 24. Đối tượng được phép tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông**

1. Đối tượng được phép tổ chức tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông là các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương quyết định nội dung, thời lượng tin nhắn tuyên truyền đến các thuê bao viễn thông trong cả nước hoặc từng khu vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành Trung ương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, thời lượng tin nhắn tuyên truyền đến các thuê bao viễn thông ở phạm vi địa bàn cấp tỉnh.

**Điều 25. Nội dung thông tin tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông**

1. Nội dung thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành Trung ương, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Nội dung thông tin tuyên truyền trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Quy trình và trách nhiệm thực hiện tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông**

1. Đối với tin nhắn viễn thông trong tình trạng khẩn cấp

a) Trưởng Ban chỉ đạo tình trạng khẩn cấp gửi yêu cầu bằng văn bản, hộp thư điện tử công vụ trong đó nêu rõ nội dung thông tin, đề xuất hình thức, quy mô thuê bao viễn thông nhận thông tin đến Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Căn cứ yêu cầu của Trưởng Ban chỉ đạo tình trạng khẩn cấp, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định hình thức, quy mô thuê bao nhận thông tin và các biện pháp huy động các mạng và dịch vụ, các phương tiện, thiết bị thông tin và truyền thông phục vụ tình trạng khẩn cấp và yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông thực hiện;

c) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông truyền tải nguyên vẹn nội dung thông tin tuyên truyềnqua tin nhắn viễn thông do Trưởng Ban chỉ đạo tình trạng khẩn cấp yêu cầu và không chịu trách nhiệm về nội dung thông tin này;

d) Khi có yêu cầu thực hiện nội dung thông tin tuyên truyền trong tình trạng khẩn cấp của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm bảo đảmthông tin ưu tiên truyền qua mạng viễn thôngtheo quy định của pháp luật;

đ) Tin nhắn viễn thông trong tình trạng khẩn cấp không tính giá.

2. Đối với tin nhắn viễn thông cung cấp dịch vụ nội dung thông tin tuyên truyền thiết yếu:

a) Người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn nội dung thông tin tuyên truyền thiết yếu và doanh nghiệp viễn thông thực hiện.

b) Người đứng đầu Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm đối với nội dung thông tin tuyên truyềnqua tin nhắn viễn thông; bảo đảm nội dung tin nhắn tuyên truyền phù hợp với định dạng của tin nhắn SMS.

c) Tin nhắn viễn thông cung cấp dịch vụ nội dung thông tin tuyên truyền thiết yếu thực hiện theo cơ chế thuê mua dịch vụ của viễn thông.

**Chương III**

 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ Ở CẤP XÃ**

**Điều 27. Nhân sự tổ chức hoạt động thông tin cơ sở ở cấp xã**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lựa chọn ít nhất 01 nhân sự là người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc công chức văn hóa - xã hội kiêm nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin cơ sở của cấp xã (sau đây gọi là cán bộ thông tin cơ sở cấp xã), bao gồm hoạt động của đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng của Ủy ban nhân dân cấp xã; trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Số lượng cán bộ thông tin cơ sở cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định căn cứ vào tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã được giao và nhu cầu thực hiện công tác tuyên truyền thực tế của địa phương.

3. Cán bộ thông tin cơ sở cấp xã là người có khả năng viết và biên tập tin, bài, có khả năng truyền đạt thông tin dễ nghe, dễ hiểu đến người dân ở cơ sở; nắm vững kỹ thuật, quy trình vận hành máy móc, thiết bị của đài truyền thanh cấp xã, bảng tin điện tử công cộng, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Cán bộ thông tin cơ sở cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

**Điều 28. Trách nhiệm của cán bộ thông tin cơ sở cấp xã**

1. Viết, biên tập và cung cấp nội dung thông tin thiết yếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này đến người dân ở cơ sở theo các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

2. Tiếp nhận, tổng hợp thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý hoặc để Ủy ban nhân cấp xã chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý. Tổ chức thực hiện việc đưa thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phù hợp với tính chất, yêu cầu của nội dung thông tin trả lời và đặc trưng chuyển tải thông tin của các loại hình hoạt động thông tin cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Quản lý, vận hành đài truyền thanh cấp xã, bảng tin công cộng, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

**Điều 29. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc tổ chức hoạt động thông tin cơ sở tại địa bàn xã**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về việc tổ chức hoạt động thông tin cơ sở tại địa bàn xã.

1. Đối với đài truyền thanh cấp xã

a) Bố trí phòng làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện bảo đảm, đáp ứng việc thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này;

b) Bố trí nhân sự đủ điều kiện tổ chức thực hiện hoạt động của đài truyền thanh cấp xã được quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 27 Nghị định này;

c) Báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Thực hiện kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

2. Đối với bảng tin công cộng

a) Thiết lập bảng tin công cộng của Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn cấp xã;

b) Quản lý việc lập bảng tin công cộng và nội dung thông tin trên bảng tin công cộng của cấp xã theo các quy định của pháp luật.

3. Đối với trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thiết lập trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

b) Bảo đảm tính năng cung cấp thông tin, tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Đối với tuyên truyền viên cơ sở

a) Xem xét, quyết định công nhận tuyên truyền viên cơ sở;

b) Quản lý hoạt động của tuyên truyền viên cơ sở theo quy định của pháp luật.

5. Thành lập Ban biên tập, xây dựng quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã, bảng tin công cộng, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã; quy định cụ thể nội dung thông tin, thời điểm, địa điểm, thời lượng, âm lượng phát thanh, truyền thanh, tần suất cập nhật thông tin phù hợp với đặc điểm của từng địa phương; bảo đảm các yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của hệ thống thông tin cơ sở; đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn; phù hợp với quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ Ở CẤP HUYỆN**

**Điều 30. Tổ chức, nhân sự thực hiện hoạt động thông tin cơ sở ở cấp huyện**

1. Đơn vị thực hiện hoạt động thông tin cơ sở ở cấp huyện (sau đây gọi là đơn vị truyền thông cấp huyện) là đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện, cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện hoặc là một bộ phận cấu thành của đơn vị sự nghiệp chung của cấp huyện.

2. Đơn vị truyền thông cấp huyện chịu sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp huyện, quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Đơn vị truyền thông cấp huyện có các chức danh phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên và các chức danh khác; được tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo các quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

4. Các chức danh phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên của đơn vị truyền thông cấp huyện phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên của đơn vị truyền thông cấp huyện được tập huấn bồi dưỡng định kỳ về chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Phóng viên, biên tập viên, người phụ trách công tác phóng viên, biên tập của đơn vị truyền thông cấp huyện được cấp Thẻ nhà báo theo quy định của pháp luật về báo chí.

**Điều 31. Trách nhiệm của đơn vị truyền thông cấp huyện**

1. Sản xuất các chương trình phát thanh bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số để phát sóng trên đài truyền thanh cấp xã.

2. Sản xuất tin, bài, ảnh, video clip, file âm thanh, đồ họa thông tin - infographic để đăng tải trên trang thông tin điện tử, bảng tin công cộng; sản xuất tin, bài, ảnh để đăng tải trên các ấn phẩm in (bản tin, áp phích, tờ rời, tờ gấp) của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

3. Phối hợp với đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh và Đài Tiếng nói Việt Nam sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình để phát sóng trên đài phát thanh - truyền hình cấp tỉnh và Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật về báo chí.

4. Quản lý, vận hành hoạt động của bảng tin công cộng, trang thông tin điện tử, bản tin thông tin cơ sở, tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

5. Thực hiện cung cấp thông tin thông qua kết nối với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh theo các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Tiếp nhận, tổng hợp thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý hoặc để Ủy ban nhân cấp huyện chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý. Tổ chức thực hiện việc đưa thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phù hợp với tính chất, yêu cầu của nội dung thông tin trả lời và đặc trưng chuyển tải thông tin của các loại hình hoạt động thông tin cơ sở của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ do cơ quan cấp trên tổ chức. Tổ chức hoạt động thi đua khen thưởng theo quy định của pháp luật; tham gia ý kiến với Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan chức năng để phát triển sự nghiệp truyền thông trên địa bàn cấp huyện.

8. Quản lý, sử dụng lao động, tài sản, ngân sách và nguồn thu từ dịch vụ; thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 32. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức hoạt động thông tin cơ sở tại địa bàn huyện**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về việc tổ chức hoạt động thông tin cơ sở tại địa bàn huyện.

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của đơn vị truyền thông cấp huyện phù hợp với các quy định tại Nghị định này.

2. Bố trí địa điểm làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện bảo đảm, đáp ứng việc thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định này cho đơn vị truyền thông cấp huyện.

3. Thiết lập bảng tin công cộng của Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn cấp huyện.

4. Thiết lập trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Bảo đảm tính năng cung cấp thông tin, tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân ở cơ sở và thông tin nội dung trả lời của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Thực hiện chính sách giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động sản xuất các sản phẩm truyền thông nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 31 Nghị định này cho đơn vị truyền thông cấp huyện.

6. Bố trí kinh phí để đơn vị truyền thông cấp huyện thực hiện chi trả nhuận bút, thù lao cho các sản phẩm truyền thông nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 31 Nghị định này ngoài định mức giao nhiệm vụ, đặt hàng theo quy định cụ thể về mức chi trả nhuận bút, thù lao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban phù hợp với quy định của pháp luật và nguồn kinh phí của địa phương.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 33. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở; Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 34. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán nhà nước;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KGVX (3b). |  **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG** **Phạm Minh Chính** |